

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2111/2026/DS-ST

Ngày: 28-5-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương.

2. Bà Bùi Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh, Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh N - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 710/2026/TLST-DS ngày 23/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2026/QĐXXST-DS ngày 09/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2026/QĐST-DS ngày 04/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H; địa chỉ: Số E đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số D đường N, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2025) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Kiều Văn T, sinh năm 1978, CCCD: 079078024537; địa chỉ: Số nhà A đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không rõ lý do).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị Bích T1, sinh năm 1969, CCCD: 079169003157; địa chỉ: Số nhà A đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H (Quỹ CCM) và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại Tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H (Quỹ CCM) có ông Nguyễn Quang C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 02/3/2020, Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh B và Tổ hợp tác khu phố A, phường T, quận B (từ đây gọi tắt là Cấp liên nhiệm) có ký Hợp đồng liên kết số 014/2020/HĐLK-BC với mục đích: Hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác khu phố A, phường T để chăn nuôi, sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, mua bán nhỏ, ... theo sự giới thiệu, đề nghị của Cấp liên nhiệm.

Ngày 24/3/2023, sau khi thông qua hợp đồng trên, Q - Chi nhánh B đã tiến hành trợ vốn cho 13 thành viên với phương thức trợ vốn: Góp hàng tuần; thời hạn trợ vốn: 40 tuần; phí trợ vốn CCM: 0.70%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí sinh hoạt nội bộ của quỹ CCM - gọi tắt là phí CCM); phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0.20%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn, phí, tiết kiệm cho Quỹ CCM - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.00%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 24/3/2023 nêu trên, bị đơn – ông Kiều Văn T đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì ông T phải góp hàng tuần đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 29/12/2023. Trong 39 tuần đầu tiên, ông T góp 1.800.000 đồng, tuần cuối góp 1.200.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không góp đúng với phương án trên. Đến ngày 28/5/2026, ông Kiều Văn T vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ CCM. Tổng số tiền nợ sau khi đã trừ tiết kiệm là 26.800.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 23.020.000 đồng; nợ lãi (phí): 3.780.000 đồng.

Nay nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H yêu cầu bị đơn ông Kiều Văn T trả cho Quỹ CCM số tiền 26.800.000 đồng, bao gồm tiền vốn là 23.020.000 đồng, nợ lãi (phí): 3.780.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi (phí) chậm thanh toán cho đến khi có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp, bị đơn không có khả năng trả nợ thì đề nghị người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Bích T1 phải thanh toán thay cho bị đơn khoản nợ trên theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 13/3/2023.

Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn – ông Kiều Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lâm Thị Bích T1 nhưng ông T và bà T1 đều không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Trường hợp, bị đơn không có khả năng trả nợ thì bà Lâm Thị Bích T1 phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn khoản nợ trên theo Cam kết trả nợ thay ngày 13/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi nên tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại 130/31/23 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] *Về nội dung:*

[3.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả ngay toàn bộ số tiền bao gồm nợ gốc: 23.020.000 đồng và nợ lãi (phí): 3.780.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông T và bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, ông T và bà T1 đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu

cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông T và bà T1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn ngày 13/3/2023; Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn của Tổ hợp tác khu phố 10, phường T ngày 24/3/2023, ông Kiều Văn T đã ký nhận số tiền 60.000.000 đồng và hiện nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 26.800.000 đồng bao gồm tiền gốc là 23.020.000 đồng; nợ lãi (phí): 3.780.000 đồng. Đại diện nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực về tài liệu này. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 23.020.000 đồng, nợ lãi (phí): 3.780.000 đồng, tổng cộng là 26.800.000 đồng. Xét số nợ đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H tự nguyện không yêu cầu ông Kiều Văn T trả tiền lãi (phí) chậm thanh toán cho đến khi có đơn yêu cầu thi hành án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Lâm Thị Bích T1 phải thực hiện cam kết nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn đề nghị trợ vốn lập ngày 13/3/2023, bà Lâm Thị Bích T1 và ông Kiều Văn T với Tổ hợp tác khu phố A, phường T cùng thỏa thuận 03 bên, theo đó bà Lâm Thị Bích T1 cam kết có nghĩa vụ trả nợ thay nếu ông Kiều Văn T không trả được nợ, xét sự thỏa thuận này là trên cơ sở tự nguyện, các đương sự có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các cam kết có nội dung và mục đích không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm Thị Bích T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu án phí tính trên số tiền 26.800.000 đồng là: 1.340.000 đồng. Hoàn trả cho Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H số tiền 670.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006748 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H đối với ông Kiều Văn T.

1. Buộc ông Kiều Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H tổng số tiền là 26.800.000 (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng, bao gồm số tiền nợ vốn là 23.020.000 đồng, nợ lãi (phí): 3.780.000 đồng theo Đơn đề nghị trợ vốn ngày 13/3/2020 và Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn ngày 24/3/2023.

2. Thời gian và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H về việc không yêu cầu ông Kiều Văn T trả tiền lãi (phí) chậm thanh toán cho đến khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp ông Kiều Văn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H có quyền yêu cầu bà Lâm Thị Bích T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay ông Kiều Văn T theo Cam kết trả nợ thay ngày 13/3/2023.

5. Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kiều Văn T phải chịu án phí là

1.340.000 đồng. Hoàn trả cho Quỹ trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố H số tiền 670.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0006748 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

7. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND khu vực 9 - TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Yến